

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST

Ngày 26-01-2026

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cẩm Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt.

2. Ông Bùi Nguyên Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Yên - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Tòng Thị T1, sinh ngày 20/12/2002. Căn cước công dân số 014302008xxx. Địa chỉ: Bản B, xã S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lèo Văn T2, sinh ngày 13/10/1998. Căn cước công dân số 014098009xxx. Địa chỉ: Bản B xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Tòng Thị T1 trình bày:

Chị Tòng Thị T1 và anh Lèo Văn T2 đăng kết hôn với nhau vào ngày 22 tháng 12 năm 2020. Khi kết hôn anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Chùm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (Nay là xã Mường Bú, tỉnh Sơn).

Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với bố mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không thành, anh chị sống ly thân nhau từ tháng 08 năm 2025 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị T1 là xin được ly hôn với anh Lèo Văn T2.

- Về con chung: Trong quá trình sinh sống anh chị có 01 con chung: Cháu Lèo Thị Thanh T, sinh ngày 24/02/2019. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T1 là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Lèo Văn T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 khai giữa chị và anh T2 không có nợ chung, tài sản chung không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lèo Văn T2 hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định nhưng anh T2 đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T2 về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T1 đối với anh.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T2 cư trú và gia đình anh T2 kết quả: Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị T1 và anh T2 chung sống với bố mẹ anh T2 tại Bản B, xã S, tỉnh Sơn La, hiện nay anh Lèo Văn T2 vẫn có hộ khẩu thường trú tại đây. Hiện nay chị T1 và anh T2 đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2025 cho đến nay, chị T1 đã về nhà ngoại sinh sống.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 173 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Tòng Thị T1 được ly hôn với anh Lèo Văn T2.
2. Về con chung: Giao cháu Lèo Thị Thanh T, sinh ngày 24/02/2019 cho chị Tòng Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lèo Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tòng Thị T1, do chị T1 chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.
4. Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.
5. Về án phí: Chị Tòng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, anh Lèo Văn T2 cư trú tại Bản B, xã S, tỉnh Sơn La đã được Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lèo Văn T2: Sau khi chị T1 có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh T2 đều không có mặt, không có ý kiến của anh T2 về việc khởi kiện xin ly hôn của chị T1, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị T1 và anh Lèo Văn T2 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn), có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T1 và anh T2 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị T1 và anh T2 là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau,

vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2025 thì anh chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Xét mâu thuẫn đã được một thời gian, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị T1 ly hôn anh T2 là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 01 con chung là cháu Lèo Thị Thanh T, sinh ngày 24/02/2019. Chị T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu T đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh T2 không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên các yêu cầu khởi kiện của chị T1 đều không ghi nhận được ý kiến của anh T2, trong đó có vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Bên cạnh đó, quá trình xác minh tại địa phương cho thấy kể từ khi chị T1 và anh T2 ly thân đến nay việc trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung vẫn do anh T2 và ông bà nội thực hiện. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho con chung, để trẻ em có thể phát triển tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu của chị T1, giao cháu Lèo Thị Thanh T cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T2 vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị T1 khai là không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Tòng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tòng Thị T1: Xử cho chị Tòng Thị T1 được ly hôn với anh Lèo Văn T2.

2. Về con chung:

Giao cháu Lèo Thị Thanh T, sinh ngày 24/02/2019 cho chị Tòng Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lèo Văn T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Tòng Thị T1, do chị T1 chưa yêu cầu.

Anh Lèo Văn T2 được quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Chị T1 khai là không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Tòng Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000409 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Tòng Thị T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/01/2026.

Anh Lèo Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND Khu vực 4 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã Chiềng Sung
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Cầm Ngọc Thương

